

Bản án số: 55/2017/HSST
Ngày 08 tháng 11 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**-----
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*** *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ánh Dương

*** *Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Nguyễn Quốc Sửu – Cán bộ nghỉ hưu tại xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên.

2. Ông Đào Xuân Hải– Cán bộ nghỉ hưu tại xã Cao Thượng, huyện Tân Yên.

*** *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Duyên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

*** *Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bộ – Kiểm sát viên .

Trong ngày 08 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 60/2017/HSST, ngày 05 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

*** *Họ và tên: Nguyễn Văn H, sinh năm 1996;***

- Tên gọi khác: không;

- Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn Y, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

- Nghề nghiệp: Làm ruộng; Văn hóa: 5/12;

- Con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm 1973

- Con bà: Đỗ Thị H, sinh năm 1975

- Vợ: Vi Thị T, sinh năm 1995

- Con: Bị cáo có 01 con sinh năm 2017.

- Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

- Tiền án, tiền sự: Chưa;

- Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/6/2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Vũ Văn T- sinh năm 1989 (Vắng mặt tại phiên tòa)

Trú tại: Xuân T, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Nghiêm Văn L- sinh năm 1974 (Vắng mặt tại phiên tòa)

Trú tại thôn N, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Văn H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 18/6/2017, khi Nguyễn Văn H- sinh năm 1996, trú tại thôn Y, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang đang ở nhà thì có Vũ Văn T- sinh năm 1989, trú tại thôn C, xã C, huyện T (là bạn của H) gọi điện thoại cho H nói “Mày có hàng không để anh ít hàng”. Khi T nói như vậy, H hiểu T muốn hỏi mua ma túy tổng hợp của H nhưng do lúc đó H không có ma túy để bán cho T nên H nói với T: “Dạo này không có tiền nên không có hàng để bán”, T nói tiếp với H: “Mày xoay ở đâu có hàng bán cho anh năm trăm, mày thích cắt như thế nào mày cắt, anh đang ở quán Karaoke 68 mày mang xuống cho anh”. H đồng ý đi tìm mua ma túy mang đến bán cho H nên T đã hẹn gặp H tại phòng hát số 5 của quán Karaoke 68 ở Khu Công nghiệp Đ thuộc thôn Đ, xã C, huyện T (do anh Hoàng Văn Đ- sinh năm 1984 trú tại phố T, thị trấn N, huyện T là chủ quán). Nói chuyện điện thoại với T xong, H đi bộ ra ngoài đường gặp anh Nghiêm Văn L- sinh năm 1974, trú tại thôn C, xã C, huyện T (làm nghề lái xe ôm) bảo anh L chở H lên thị trấn N (mục đích để mua ma túy về bán cho T). Trên đường đi đến địa phận xã L, huyện T, H hỏi vay của anh L số tiền 500.000 đồng, anh L đồng ý và đưa cho H vay tiền số tiền 500.000 đồng. Sau đó, anh L tiếp tục điều khiển xe mô tô chở H đi đến ngã 4 đèn xanh, đèn đỏ thuộc địa phận phố T, thị trấn N, huyện T thì dừng lại, H xuống xe, đi vào trong ngõ và gọi điện thoại cho Nguyễn Văn H1- sinh năm 1990, trú tại thôn T, xã N, huyện T, tỉnh B bảo với H1: “Đóng cho em cái bốn trăm” (ý H bảo H1 bán cho H 01 túi ma túy tổng hợp dạng đá giá 400.000 đồng). Nghe H nói vậy, H1 trả lời: “Anh không có nhà, đứng đợi khác có người mang ra”. H nói cho H1 biết H đang đứng ở khu vực ngã 4 đèn xanh, đèn đỏ thị trấn N và H tả đặc điểm của bản thân mình cho H1 biết. Khoảng 10 phút sau, khi H đang đứng ở khu vực ngã 4 đèn xanh, đèn đỏ thuộc địa phận phố T, thị trấn N thì có một người đàn ông (khoảng 50 tuổi, cao khoảng 1,70 mét, dáng người gầy, mặt quắt, H không biết tên, tuổi và địa chỉ cụ thể) đi đến và đưa cho H 01 túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, có viền màu xanh, bên trong đựng chất tinh thể màu trắng, H biết đây là gói ma túy tổng hợp dạng đá nên H đã cầm gói ma túy này đút vào bên trong túi quần đang mặc rồi đưa cho người đàn ông đó số tiền 400.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, H bảo anh L chở H chở đến quán Karaoke 68. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày thì anh L điều khiển xe mô tô chở H đến cửa quán Karaoke 68, H xuống xe

và vào phòng hát số 05 của quán như đã hẹn với T. Ngay lúc đó do có khách gọi đi chở khách nên anh L đi chở khách luôn, chưa lấy tiền công chở xe ôm của H. Khi đi vào trong phòng hát số 5 của quán Karaoke 68, H gặp T và anh Vũ Ngọc Đ-sinh năm 1981, trú tại thôn C, xã N, huyện T (là bạn của T) đang ở đó. Tại đây, H đưa cho T gói ma túy mà H vừa mua được ở thị trấn N, T cầm gói ma túy H đưa cho rồi đưa cho H số tiền 600.000 đồng (gồm 03 tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng) và nói với H là trả 500.000 đồng tiền mua ma túy và 100.000 đồng trả tiền xe ôm, H cầm tiền T đưa cho đút vào bên trong túi phía sau bên phải quần đang mặc. Ngay sau khi mua được ma túy, T lấy một phần ma túy trong gói ma túy vừa mua được của H để bên trên 01 tờ giấy bạc để sử dụng, số còn lại T đút vào bên trong túi phía trước bên phải quần đang mặc. Khi T vừa dùng lửa đốt tờ giấy bạc có đựng ma túy bên trên chuẩn bị sử dụng ma túy thì bị lực lượng Công an huyện T vào kiểm tra phát hiện và bắt quả tang, do sợ nên T đã để tờ giấy bạc có chứa ma túy tổng hợp dạng đá đang nóng chảy ở trên bàn của phòng hát. Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang bao gồm:

- 01 (một) túi nilon màu trắng trong suốt, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu xanh, bên trong đựng chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy tổng hợp dạng đá (thu tại túi phía trước bên phải quần đang mặc của Vũ Văn T).

- 01 (một) mảnh giấy bạc có hai mặt màu bạc, trên một mặt của mảnh giấy bạc đựng chất tinh thể màu trắng đục nghi là ma túy tổng hợp dạng đá (thu giữ trên mặt bàn của phòng hát), Cơ quan điều tra tiến hành gấp mảnh giấy bạc đó gói số ma túy lại để bảo quản.

Cả hai gói ma túy trên được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu “QT”.

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 670.000 đồng (trong đó: 600.000 đồng thu giữ tại túi phía sau bên phải quần Nguyễn Văn H đang mặc và 70.000 đồng thu giữ tại túi phía sau bên trái quần Nguyễn Văn H đang mặc.)

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen (trên mặt bàn bên trong phòng hát). (BL: 45 - 48, 56 - 72, 90 - 108).

Ngày 18/6/2017, Cơ quan điều tra Công an huyện T đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật của Nguyễn Văn H, quá trình khám xét không thu giữ gì liên quan đến ma túy.

Tại Kết luận giám định số 943/KL-PC54 ngày 20/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang đã kết luận:

Trong 01 (một) phong bì thư có ký hiệu “QT” đã được niêm phong gửi giám định:

- Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa và viền màu xanh là chất ma túy Methamphetamine, có trọng lượng: 0,051 gam.

- Tinh thể màu trắng đục đựng trong 01 (một) gói giấy bạc đều có hai mặt màu trắng bạc là chất ma túy Methamphetamine, có trọng lượng: 0,060 gam. (BL: 52).

Quá trình điều tra Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đối với Vũ Văn T đã có hành vi mua ma túy của Nguyễn Văn H, nhưng T mua ma túy với mục đích để sử dụng cho bản thân, số lượng ma túy T tàng trữ không đủ trọng lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự nên ngày 14/9/2017 Trưởng Công an huyện T đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng đối với Vũ Văn T về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Đối với anh Vũ Ngọc Đ là người đã đi cùng với T đến phòng hát số 5 của quán Karaoke 68 nhưng anh Đ không biết việc T đến đó để mua ma túy, anh Đ không tham gia vào việc mua bán ma túy; anh Hoàng Văn Đ không biết việc T thuê phòng hát để thực hiện việc mua bán ma túy; anh Nghiêm Văn L là người đã chở H đi và cho H vay tiền để mua ma túy, sau đó chở H đến quán Karaoke 68 để H bán ma túy nhưng khi chở H đi và khi cho H vay tiền anh L không biết mục đích của H là mua và bán ma túy, anh L không được chứng kiến việc H mua bán ma túy nên anh Đ, anh Đ, anh L không vi phạm pháp luật. Đến nay, anh Nghiêm Văn L yêu cầu H phải trả cho anh số tiền 500.000 đồng H đã vay của anh và 100.000 đồng tiền công chở xe ôm .

Đối với Nguyễn Văn H1 là người H khai đã mua ma túy nhưng H1 không thừa nhận việc bán ma túy cho H, ngoài lời khai của H ra không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh số ma túy H bán cho T là do H mua của H1. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tách phần tài liệu liên quan đến Nguyễn Văn H1 ra để tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Người đàn ông H khai đã mang ma túy đến ngã tư đèn xanh, đèn đỏ ở thị trấn N bán cho H, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành điều tra xác minh tại thị trấn N, huyện T và xã N, huyện T nhưng do có ít thông tin nên không xác định được người này, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tách phần tài liệu liên quan đến người đàn ông này ra để tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Số tiền 670.000 đồng thu giữ của H khi bắt quả tang, quá trình điều tra xác định có 500.000 đồng là tiền H bán ma túy cho T có được; 100.000 đồng là tiền T trả tiền công xe ôm cho H; 70.000 đồng là tiền thừa trong tổng số tiền H vay của anh L (H vay của anh L 500.000 đồng, mua ma túy hết 400.000 đồng, mua thuốc lá và thẻ điện thoại hết 30.000 đồng, còn lại 70.000 đồng).

Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen thu giữ trên bàn bên trong phòng hát khi bắt quả tang, đây là điện thoại của H, Hà đã sử dụng chiếc điện thoại này để liên lạc trao đổi khi mua bán ma túy ngày 18/6/2017.

Đối với chiếc điện thoại của Vũ Văn T dùng để liên lạc với Nguyễn Văn H trong việc trao đổi mua bán ma túy, trong quá trình bắt quả tang do sợ hãi nên T đã vứt chiếc điện thoại này ra khu vực cửa của phòng hát số 5 quán Karaoke 68, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã truy tìm vật chứng đối với chiếc điện thoại này nhưng không thu hồi được.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Văn H đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 35/KSĐT, ngày 04/10/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên truy tố Nguyễn Văn H về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 - Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn H khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố.

* Đại diện VKSND huyện T giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

* Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33- Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 18/6/2017. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn H 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

* Áp dụng: điểm a điểm b Khoản 1 Điều 41; Điều 42 của BLHS; điểm a điểm b điểm c khoản 2 Điều 76 của BLTTHS; Điều 463; Điều 466 của BLDS:

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 phong bì thư niêm phong ký hiệu “QT” có dấu của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bắc Giang và có chữ của giám định viên, bên trong có mẫu tinh thể màu trắng 0,035 gam, mẫu tinh thể màu trắng 0,053 gam.

- Tịch thu của bị cáo Nguyễn Văn H 600.000 đồng là tiền do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

- Tịch thu của bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen là tài sản mà bị cáo dùng vào việc phạm tội để sung quỹ Nhà nước.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn H 70.000 đồng là tiền không dùng vào việc phạm tội nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H trả cho anh Nghiêm Văn L số tiền 500.000 đồng H đã vay của anh và 100.000 đồng tiền công chở xe ôm.

- Bị cáo chịu án phí theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng.

XÉT THẤY

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn H khai nhận hành vi: Khoảng 12 giờ ngày 18/6/2017 Vũ Văn T đặt vấn đề mua ma túy thì bị cáo đồng ý. Bị cáo bảo anh Nghiêm Văn L chở lên thị trấn N, mục đích để mua ma túy về bán cho T và bị cáo vay được của anh L 500.000 đồng. Bị cáo gọi điện thoại cho Nguyễn Văn H1 và bảo với H1: “Đóng cho em cái bốn trăm” (ý bị cáo bảo H1 bán cho 01 túi ma túy tổng hợp dạng đá giá 400.000 đồng). H1 trả lời: “Anh không có nhà, đứng đợi

khác có người mang ra”. Bị cáo nói cho H1 biết đang đứng ở khu vực ngã 4 đèn xanh, đèn đỏ thị trấn N và bị cáo tả đặc điểm của bản thân mình cho H1 biết. Khoảng 10 phút sau thì có một người đàn ông mà bị cáo không biết tên, tuổi và địa chỉ cụ thể đi đến và đưa cho bị cáo 01 túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, có viền màu xanh, bên trong đựng ma túy tổng hợp dạng đá, bị cáo cầm gói ma túy này đút vào bên trong túi quần đang mặc rồi đưa cho người đàn ông đó số tiền 400.000 đồng. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày thì anh L điều khiển xe mô tô chở bị cáo đến cửa quán Karaoke 68 ở Khu Công nghiệp Đ thuộc thôn Đ, xã C, huyện T, còn anh L đi chở khách luôn. Bị cáo vào phòng hát số 05 của quán và đưa cho Vũ Văn T gói ma túy vừa mua được ở thị trấn N, T cầm gói ma túy bị cáo đưa cho rồi đưa cho bị cáo số tiền 600.000 đồng và nói với bị cáo là trả 500.000 đồng tiền mua ma túy và 100.000 đồng trả tiền xe ôm chở bị cáo đi mua bán ma túy, bị cáo cầm tiền T đưa cho đút vào bên trong túi phía sau bên phải quần đang mặc. T lấy một phần ma túy trong gói ma túy vừa mua được của bị cáo để bên trên 01 tờ giấy bạc để sử dụng, số còn lại T đút vào bên trong túi phía trước bên phải quần đang mặc. Khi T vừa dùng lửa đốt tờ giấy bạc có đựng ma túy bên trên chuẩn bị sử dụng ma túy thì bị lực lượng Công an huyện T vào kiểm tra phát hiện và bắt quả tang.

Lời khai của bị cáo phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, bản tường trình, bản kiểm điểm và lời khai nhận của bị cáo tại CQĐT và VKS phù hợp với lời khai của Vũ Văn T là người mua ma túy của bị cáo, phù hợp lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng tang vật chứng là 0,111 gam ma túy Methamphetamin thu giữ được và kết quả giám định vật chứng. Có đủ căn cứ để kết luận: Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 01 Điều 194 của BLHS. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là hoàn toàn có căn cứ pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự công cộng, xâm phạm sự độc quyền quản lý các chất gây nghiện của nhà nước. Vi phạm nghiêm trọng luật phòng chống ma túy. Ma túy là hiểm họa cho đời sống cộng đồng, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác và là nguy cơ lây truyền các bệnh xã hội nguy hiểm như HIV, AIDS. Pháp luật đã nghiêm cấm mọi hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy. Bị cáo đã tiếp tay cho việc tiêu thụ ma túy. Do vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo cho việc giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù với thời hạn nhất định để bị cáo có điều kiện tu dưỡng rèn luyện bản thân làm người có ích cho gia đình và xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Không có.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo có ông ngoại là Đỗ Văn T được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba. Nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lượng hình được quy định tại điểm p Khoản 1 khoản 2 Điều 46- BLHS .

Cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo khoản 5 Điều 194 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn H để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Đối với vật chứng cần xử lý như sau: Áp dụng: điểm a điểm b Khoản 1 Điều 41; Điều 42 của BLHS; điểm a điểm b điểm c khoản 2 Điều 76 của BLTTHS; Điều 463; Điều 466 của BLDS:

Tịch thu tiêu huỷ: 01 phong bì thư niêm phong ký hiệu “QT” có dấu của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bắc Giang và có chữ của giám định viên, bên trong có mẫu tinh thể màu trắng 0,035 gam, mẫu tinh thể màu trắng 0,053 gam

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen là tài sản mà bị cáo dùng vào việc phạm tội để sung quỹ Nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Văn H 600.000 đồng là tiền do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn H 70.000 đồng là tiền thừa trong tổng số tiền H vay của anh L nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(theo biên lai thu tiền số AA/2010/006108, ngày 06/11/2017 của Chi cục thi hành án huyện Tân Yên).

Đối với Vũ Văn T đã có hành vi mua ma túy của Nguyễn Văn H, nhưng T mua ma túy với mục đích để sử dụng cho bản thân, số lượng ma túy T tàng trữ không đủ trọng lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự nên ngày 14/9/2017 Trưởng Công an huyện T đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng đối với Vũ Văn T về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy" là đúng.

Đối với anh Vũ Ngọc Đ là người đã đi cùng với T đến phòng hát số 5 của quán Karaoke 68 nhưng anh Đ không biết việc T đến đó để mua ma túy, anh Đ không tham gia vào việc mua bán ma túy; anh Hoàng Văn Đ không biết việc T thuê phòng hát để thực hiện việc mua bán ma túy; anh Nghiêm Văn L là người đã chở H đi và cho H vay tiền để mua ma túy, sau đó chở H đến quán Karaoke 68 để H bán ma túy nhưng khi chở H đi và khi cho H vay tiền anh L không biết mục đích của H là mua và bán ma túy, anh L không được chứng kiến việc H mua bán ma túy nên anh Đ, anh Đ, anh L không vi phạm pháp luật. Nay, anh Nghiêm Văn L yêu cầu H phải trả cho anh số tiền 500.000 đồng H đã vay của anh và 100.000 đồng tiền công chở xe ôm nên buộc bị cáo H trả cho anh L số tiền này.

Đối với Nguyễn Văn H1 là người H khai đã bán ma túy, cho đối chất nhưng H1 không thừa nhận việc bán ma túy cho H, ngoài lời khai của H ra không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh số ma túy H bán cho T là do H mua của H1. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tách phần tài liệu liên quan đến Nguyễn Văn H1 ra để tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Người đàn ông Hà khai đã mang ma túy đến ngã tư đèn xanh, đèn đỏ ở thị trấn N bán cho H, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành điều tra xác minh tại thị trấn N, huyện T và xã N, huyện T nhưng do có ít thông tin nên

không xác định được người này, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tách phần tài liệu liên quan đến người đàn ông này ra để tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với chiếc điện thoại của Vũ Văn T dùng để liên lạc với Nguyễn Văn H trong việc trao đổi mua bán ma túy, trong quá trình bắt quả tang do sợ hãi nên T đã vứt chiếc điện thoại này ra khu vực cửa của phòng hát số 5 quán Karaoke 68, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã truy tìm vật chứng đối với chiếc điện thoại này nhưng không thu hồi được để xử lý.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33- Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 18/6/2017. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn H 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

3. Áp dụng: điểm a điểm b Khoản 1 Điều 41; Điều 42 của BLHS; điểm a điểm b điểm c khoản 2 Điều 76 của BLTTHS; Điều 463; Điều 466 của BLDS:

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 phong bì thư niêm phong ký hiệu “QT” có dấu của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bắc Giang và có chữ của giám định viên, bên trong có mẫu tinh thể màu trắng 0,035 gam, mẫu tinh thể màu trắng 0,053 gam.

- Tịch thu của bị cáo Nguyễn Văn H 600.000 đồng là tiền do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

- Tịch thu của bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen là tài sản mà bị cáo dùng vào việc phạm tội để sung quỹ Nhà nước.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn H 70.000 đồng là tiền không dùng vào việc phạm tội nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng theo lệnh xuất kho vật chứng số: 43/LXK, ngày 04/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H trả cho anh Nghiêm Văn L số tiền 600.000 đồng.

4. Áp dụng Điều 99; Điều 231; Điều 234 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000đồng án phí HSST và 300.000đồng án phí DSST.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án .

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu Hs, Vp.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa